



Chương 11

Kế toán tổng hợp

Nội dung

11.0 Quy trình thực hiện nghiệp vụ tổng hợp số liệu	3
11.1 Tiền lương.....	3
11.1.1 Xác định lương cơ sở	3
1. Chức năng	3
2. Màn hình khai báo	3
11.1.2 Hạch toán chi phí lương	5
1. Chức năng	5
2. Màn hình nhập liệu	5
11.1.3 Hạch toán khấu trừ lương	5
1. Chức năng	5
2. Màn hình nhập liệu	5
11.2 Tính giá vốn bình quân theo kỳ	6
1. Chức năng	6
2. Màn hình thao tác	6
11.3 Giá thành	7
11.3.1 Xác định bài toán tính giá thành	7
1. Xác định đối tượng tính giá thành.....	7
2. Xác định tài khoản tập hợp chi phí đầu vào.....	7
3. Xác định bút toán tổng hợp theo module kết chuyển/phân bổ	8
11.3.2 Trình tự khai báo và nhập liệu phát sinh.....	9
1. Các khai báo danh mục ban đầu.....	9
Khai báo danh mục thành phẩm, nguyên vật liệu	9
Khai báo hệ số (nếu áp dụng phân bổ theo hệ số).....	9
Khai báo định mức nguyên vật liệu (nếu áp dụng xuất vật tư theo định mức).....	9

2. Khai báo quy trình tính giá thành.....	10
3. Các bước nhập liệu phát sinh.....	10
Nhập số dư đầu kỳ.....	10
Xuất nguyên vật liệu sản xuất	10
Hạch toán các chi phí phát sinh.....	10
Nhập kho thành phẩm	10
Trích khấu hao tài sản	10
Phân bổ chi phí trả trước.....	10
Tính giá vốn bình quân theo kỳ	10
11.3.3 Chạy tính giá thành cuối kỳ	11
1. Màn hình thao tác chạy tự động	11
2. Một số trường hợp khác	12
11.4 Tổng hợp số liệu xác định kết quả	14
1. Khai báo bút toán tổng hợp số liệu	14
2. Chạy tổng hợp số liệu xác định kết quả kinh doanh	14

11.0 Quy trình thực hiện nghiệp vụ tổng hợp số liệu

Phần hệ này giúp bạn thực hiện các nghiệp vụ tổng hợp số liệu cuối kỳ (Tháng/Quý/Năm), gồm các công việc theo trình tự sau:

- Trích khấu hao tài sản cố định
- Phân bổ chi phí trả trước
- Hạch toán chi phí tiền lương và các khoản trích theo lương
- Tính giá vốn bình quân cuối kỳ
- Tổng hợp chi phí và tính giá thành
- Tổng hợp số liệu xác định kết quả kinh doanh

Đối với trích khấu hao tài sản cố định bạn thực hiện ngay tại phần hành Tài sản, có thể **xem lại ở Nội dung 8.2.6 – Chương 8**

Đối với Phân bổ chi phí trả trước bạn thực hiện ngay tại phần hành Công cụ, có thể **xem lại ở Nội dung 9.2.3 – Chương 9**

11.1 Tiền lương

11.1.1 Xác định lương cơ sở

1. Chức năng

Phần này dùng để xác định mức lương cơ sở nhằm tính ra các khoản trích bảo hiểm vào chi phí doanh nghiệp, tự động xử lý tính toán bằng module Tính bảo hiểm được thực hiện tại phần Tổng hợp số liệu

Trường hợp bạn lập chứng từ hạch toán các khoản trích bảo hiểm vào chi phí ở phần hành Nghiệp vụ kế toán khác – **Nội dung 10.1 – Chương 10** thì không phải thực hiện ở phần này.

2. Màn hình khai báo

- Vào **Kế toán tổng hợp > Tiền lương > Xác định lương cơ sở**

The screenshot displays the 'Xác định lương cơ sở' (Determine basic wage) window. At the top, there's a title bar and a menu bar with options like 'Tìm kiếm', 'Import', 'Xóa bỏ', 'In số liệu', 'Hiện thị', and 'Kết thúc'. Below the menu bar, there's a search bar (Tìm kiếm) and a 'Kết thúc' button. The main area contains a table with columns for months (Tháng 1 to Tháng 7) and rows for different types of labor (Tổng Cộng, Phải trả người lao động TT, PX, BH, GL). The 'Cơ sở tính lương' (Basic wage calculation) radio button is selected. The 'Năm' (Year) is set to 2020. The table shows values for each month, with the 'Tổng Cộng' row having values of 100,000,000 for each month. The 'Phải trả người lao động GL' row has values of 40,000,000 for each month. The screen also includes a search bar (Tìm kiếm) and a 'Kết thúc' button.

Tài khoản	Mã hiệu	Tên đối tượng	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3	Tháng 4	Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7
		Tổng Cộng	100.000.000	100.000.000	100.000.000	100.000.000	100.000.000	100.000.000	100.000.000
3341	3341	Phải trả người lao động TT	60.000.000	60.000.000	60.000.000	60.000.000	60.000.000	60.000.000	60.000.000
3342	3342	Phải trả người lao động PX							
3343	3343	Phải trả người lao động BH							
3344	3344	Phải trả người lao động GL	40.000.000	40.000.000	40.000.000	40.000.000	40.000.000	40.000.000	40.000.000

- Vào **Hệ thống > Xây dựng hệ thống > Xây dựng quy trình tổng hợp số liệu**

Để khai báo một module tổng hợp số liệu bạn có thể **xem lại ở Nội dung 3.1.3 – Chương 3**

Tại đây bạn khai báo module Tính bảo hiểm như sau:

Số thứ tự	Nội dung	Số thứ tự	Ký hiệu	Tên phần hành	Tên module	Hiện thị kết quả
01	Tổng hợp số liệu					
5			K/C giá thành nhập kho (1541>1551)		Bổ sung giá thành nhập kho	
6			Cập nhật giá vốn tiêu thụ (1551>6322)		Bổ sung giá thành	
7			K/C chiết khấu HH (52111>5111)		Kết chuyển số liệu	
8			K/C chiết khấu TP (52112>5112)		Kết chuyển số liệu	
9			K/C trả lại HH (52121>5111)		Kết chuyển số liệu	
10			K/C trả lại TP (52122>5112)		Kết chuyển số liệu	
11			K/C giảm giá HH (52131>5111)		Kết chuyển số liệu	
12			K/C giảm giá TP (52132>5112)		Kết chuyển số liệu	
13			P/B chi phí bán hàng (641>9111)		Phân bổ chi phí	
14			P/B chi phí quản lý (642>9111)		Phân bổ chi phí	
15			Xác định kết quả TM (5111.6321>91111)		Xác định kết quả	
16			Xác định kết quả SX (5112.6322>91112)		Xác định kết quả	
17			Xác định kết quả DV (5113.6323>91113)		Xác định kết quả	
18			Xác định kết quả tài chính (515.635>9112)		Xác định kết quả	
19			Xác định kết quả hoạt động khác (711.811>911)		Xác định kết quả	
20			K/C chi phí thuế TNDN (8211>9113)		Kết chuyển số liệu	
21			K/C lãi lỗ (911>4212)		Kết chuyển lãi lỗ	
22			Trích bảo hiểm bộ phận quản lý (N6421/C338)		Tính bảo hiểm	

Số liệu từ bên: ☐ Nợ ☒ Có

Tài khoản (334): 3344

Đối ứng tài khoản: 6421

Tài khoản BHXH: 3383 Tỷ lệ: 17.0000

Tài khoản BHYT: 3384 Tỷ lệ: 3.0000

Tài khoản BHTN: 3386 Tỷ lệ: 1.0000

Tài khoản KPCĐ: 3382 Tỷ lệ: 2.0000

☒ Tính KPCĐ theo lương cơ bản ☒ Tính BH theo lương cơ bản

☐ Tính KPCĐ theo lương thực tế ☐ Tính BH theo tiền bảo hiểm

☒ Khoản mục: Chi phí BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ

☐ Nhóm theo Dự án

☐ Nhóm theo Yếu tố phí

☐ Nhóm theo Tính chất phí

☐ Nhóm theo Khoản mục

Xác nhận Hủy bỏ

Bước chạy ra kết quả module này sẽ được thực hiện khi chạy một lần cho cả quy trình tổng hợp số liệu ở **Nội dung 11.4 – Chương này**

11.1.2 Hạch toán chi phí lương

1. Chức năng

Phần này giúp bạn lập chứng từ hạch toán chi phí tiền lương phải trả cán bộ nhân viên hàng tháng

*Trường hợp bạn lập chứng từ hạch toán nghiệp vụ này ở phần hành Nghiệp vụ kế toán khác – **Nội dung 10.1 – Chương 10** thì không phải thực hiện ở phần này.*

2. Màn hình nhập liệu

Ngày chứng từ: 25/05/2020
Số chứng từ: 0002
Quyển số: 01
Đơn vị tiền tệ: VNĐ
Lý do: Chi phí lương nhân viên T5/2020

Họ tên: Nguyễn Hồng Nhung
Đơn vị: Phòng kế toán
Địa chỉ:
Hạn thanh toán: <Hạn thanh toán>
<Hình thức thanh toán>

Thông tin chứng từ
Tổng cộng: 100.000.000

Nội dung	TK nợ	TK có	Thành tiền
Tổng Cộng			100.000.000
Chi phí lương phải trả bộ phận quản lý	6421	3344	80.000.000
Chi phí lương phải trả bộ phận nhân viên	6411	3343	20.000.000

Chi phí nhân viên; KM: Chi phí lương nhân viên
Phải trả người lao động BH

Ctrl+N - Thêm mới; Ctrl+E - Sửa; Ctrl+D - Xóa; Ctrl+S - Lưu; Ctrl+P - In; Alt+1-Hạch toán; Alt+2-Thuế GTGT

Thao tác và trường nhập liệu tương tự phần hành Nghiệp vụ kế toán khác – Nội dung 10.1

11.1.3 Hạch toán khấu trừ lương

1. Chức năng

Phần này giúp bạn lập chứng từ hạch toán trích các khoản bảo hiểm trừ vào lương nhân viên

*Trường hợp bạn lập chứng từ hạch toán nghiệp vụ này ở phần hành Nghiệp vụ kế toán khác – **Nội dung 10.1 – Chương 10** thì không phải thực hiện ở phần này.*

2. Màn hình nhập liệu

Ngày chứng từ: 26/05/2020
Số chứng từ: 0001
Quyển số: 01
Đơn vị tiền tệ: VNĐ
Lý do: Trích các khoản bảo hiểm trừ vào lương

Họ tên: Nguyễn Hồng Nhung
Đơn vị: Phòng kế toán
Địa chỉ:
Hạn thanh toán: <Hạn thanh toán>
<Hình thức thanh toán>

Thông tin chứng từ
Tổng cộng: 0

TK334	Mã NV	Tên nhân viên	BHXH	BHYT	BHTN	KPCD
1						
2						
3						
4						
5						

Ctrl+N - Thêm mới; Ctrl+E - Sửa; Ctrl+D - Xóa; Ctrl+S - Lưu; Ctrl+P - In; Alt+1-Hạch toán; Alt+2-Thuế GTGT

Thao tác và trường nhập liệu tương tự phần hành Nghiệp vụ kế toán khác – Nội dung 10.1

11.2 Tính giá vốn bình quân theo kỳ

1. Chức năng

Phần này giúp bạn tính lại giá vốn bình quân gia quyền theo kỳ (còn gọi là bình quân trung bình theo kỳ), chương trình sẽ tính và cập nhật giá vốn tự động cho từng phiếu xuất

Trường hợp bạn áp dụng tính giá xuất kho theo phương pháp khác thì không phải thực hiện ở phần này.

2. Màn hình thao tác

- Nhập tài khoản: 1521/1522/1531/1561 và chọn thời gian theo kỳ
- Các lựa chọn khác: Để mặc định hoặc tích có/không các lựa chọn khác
- Nhấn Tìm kiếm để chương trình hiện số liệu xem trước
- Nhấn Cập nhật giá để chương trình cập nhật tự động

The screenshot shows the 'Tính giá vốn bình quân theo kỳ' (Calculate average cost by period) window. At the top, there's a search bar with '1561' entered. Below it, there are dropdowns for 'Tháng' (Month) set to '05' and 'Năm' (Year) set to '2020'. There are also checkboxes for 'Chi tiết tài khoản', 'Kho hàng', 'Cập nhật giá toàn công ty', 'Cập nhật giá luân chuyển', and 'Cập nhật giá hàng trả lại'. The main table displays a list of items with columns for 'Số thứ tự' (Serial number), 'Tài khoản' (Account), 'Mã hiệu' (Model), 'Tên vật tư, hàng hóa, thành phẩm' (Material name, goods, finished product), 'ĐVT' (Unit), 'Số lượng' (Quantity), 'Giá vốn' (Cost), and 'Thành tiền' (Amount). The table is grouped by 'Nhóm theo: (Nhóm 1 > Nhóm 2)' and shows a hierarchy of items including 'Tổng Cộng', '00-Hàng hóa', '01-Thép tấm', '02-Thép không gỉ', '03-Hàng biểu tặng', and '04-Nhóm hàng khác'. The bottom of the interface has a button 'Tính giá vốn bình quân theo kỳ'.

Các lựa chọn	Chức năng, ý nghĩa
Tài khoản	Nhập tài khoản cần tính giá vốn: 1521/1522/1531/1561 ...
Thời gian	Chọn thời gian theo kỳ cần tính, thông thường theo tháng
Chi tiết tài khoản	Tích chọn nếu muốn tính riêng cho một mặt hàng/một nhóm hàng
Kho hàng	Tích chọn nếu muốn tính riêng cho một kho hàng
Cập nhật giá toàn công ty	Tính theo giá vốn toàn công ty, toàn bộ các kho của công ty
Cập nhật giá luân chuyển	Tích chọn nếu muốn tính giá cho các nghiệp vụ luân chuyển
Cập nhật giá hàng trả lại	Tích chọn nếu muốn tính giá cho nghiệp vụ nhập trả lại hàng

11.3 Giá thành

11.3.1 Xác định bài toán tính giá thành

1. Xác định đối tượng tính giá thành

Đối tượng tính giá thành của doanh nghiệp có thể là một trong các trường hợp sau:

- Theo sản phẩm hoặc công trình
- Theo phân xưởng/công đoạn và sản phẩm
- Theo đơn hàng/lệnh sản xuất và sản phẩm

Giá thành của một đối tượng tính giá thành có thể được phân tích như sau:

- Theo giá trị trên từng tài khoản tập hợp chi phí (báo cáo giá thành phân xưởng/công trình)
- Theo khoản mục phí đã tập hợp chi phí (báo cáo giá thành phân xưởng/công trình)
- Theo tài khoản và chi tiết vật tư, chi phí cấu thành (thẻ giá thành đơn vị sản phẩm/công trình)

2. Xác định tài khoản tập hợp chi phí đầu vào

Tài khoản được sử dụng tập hợp chi phí theo TT200:

Số TK cấp 2	Tên tài khoản
6211	Chi phí nguyên vật liệu chính trực tiếp
6212	Chi phí nguyên vật liệu phụ trực tiếp
622	Chi phí nguyên nhân công trực tiếp
6271	Chi phí nhân viên phân xưởng
6272	Chi phí vật liệu
6273	Chi phí dụng cụ sản xuất
6274	Chi phí khấu hao tài sản
6277	Chi phí dịch vụ mua ngoài
6278	Chi phí bằng tiền khác
623(1-8)	Tương tự 627 (có thể sử dụng đ/v xây lắp công trình)
1541	Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

Tài khoản được sử dụng tập hợp chi phí theo TT133:

Số TK cấp 2	Tên tài khoản
1541	Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp
1542	Chi phí nguyên nhân công trực tiếp
1544	Chi phí sản xuất chung
1545	Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

Xác định chi phí phát sinh đầu vào sẽ hạch toán vào các tài khoản trên thuộc một trong các trường hợp sau:

- Trực tiếp cho sản phẩm/công trình (tức tách chọn được từng sản phẩm/công trình)
- Tách được đến phân xưởng/công đoạn/nhóm sản phẩm
- Chỉ hạch toán theo tài khoản

3. Xác định bút toán tổng hợp theo module kết chuyển/phân bổ

Trên cơ sở xác định đến bước 2 thì bạn có thể xác định bút toán nào là kết chuyển hoặc phân bổ:

- Kết chuyển số liệu là xử lý số liệu từng đối tượng từ tài khoản nguồn kết chuyển tương ứng đến từng đối tượng của tài khoản đích
- Phân bổ số liệu là xử lý số liệu từ tài khoản nguồn (hoặc 1 đối tượng của tài khoản nguồn) phân bổ cho nhiều đối tượng của tài khoản đích

Ví dụ minh họa	TK nguồn	TK đích
	6211	1541
Kết chuyển	Sản phẩm A	Sản phẩm A
	Sản phẩm B	Sản phẩm B
	Sản phẩm C	Sản phẩm C
	622	1541
Phân bổ		Sản phẩm A
		Sản phẩm B
		Sản phẩm C

Trường hợp phân bổ thì chương trình có một số cách phân bổ như sau:

- Phân bổ theo tỷ lệ
- Phân bổ theo hệ số
- Phân bổ theo số lượng nhập kho hoàn thành

Thông qua việc xác định 3 bước trên bạn có thể **thiết lập tài khoản cùng đối tượng** sao cho phù hợp, thực hiện tại **Xây dựng tài khoản nhà nước – Nội dung 3.1.1 – Chương 3**

Đồng thời bạn có thể **tạo các bút toán kết chuyển/phân bổ chi phí tính giá thành** tại **Xây dựng quy trình tổng hợp số liệu – Nội dung 3.1.3 – Chương 3**

11.3.2 Trình tự khai báo và nhập liệu phát sinh

1. Các khai báo danh mục ban đầu

Khai báo danh mục thành phẩm, nguyên vật liệu

Khai báo danh mục thành phẩm, danh mục nguyên vật liệu lúc mới sử dụng chương trình. Về sau bạn chỉ khai báo nếu phát sinh thêm đối tượng mới

Khai báo hệ số (nếu áp dụng phân bổ theo hệ số)

Vào Kế toán tổng hợp > Giá thành > Bảng hệ số phân bổ > Chọn chỉ tiêu phân bổ. Nhập hệ số lúc ban đầu và bổ sung nếu phát sinh thêm đối tượng mới

Bảng hệ số nhân công (1/9): Bảng hệ số nhân công

Tài khoản: 1541 ☐ Chọn hàng hóa, vật tư ☒ Cập nhật các cột còn lại ☐ Cập nhật các dòng còn lại Năm: 2020

Mã hiệu	Tên đối tượng	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3	Tháng 4	Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9
	Thành phẩm - Đá Marble									
	Đá trắng B1. Chọn TK > Nhân Tìm kiếm									
MBW25X5CHCS	Đá trắng MBW25X5CHCS	1,37	1,37	1,37	1,37	1,37	1,37	1,37	1,37	1,37
	Đá đen									
MBBK25X5CHCS	Đá đen MBBK25X5CHCS	1,37	1,37	1,37	1,37	1,37	1,37	1,37	1,37	1,37
MBBK25X73HCS	Đá đen MBBK25X73HCS	2,15	2,15	2,15	2,15	2,15	2,15	2,15	2,15	2,15

B2. Nhập hệ số

Khai báo định mức nguyên vật liệu (nếu áp dụng xuất vật tư theo định mức)

Vào danh mục thành phẩm > khai báo định mức cho từng thành phẩm trong danh mục ban đầu, về sau khai báo định mức bổ sung nếu phát sinh đối tượng mới

Thành phẩm - Đá Marble\Đá trắng (1/2) (11432)

Thêm mới Import Lưu số liệu Sửa đổi Xóa bỏ Tra cứu In số liệu Hiện thị Trợ giúp Kết thúc

Mã hiệu	Diễn giải	Mã hiệu	Tên hàng hóa, thành phẩm	ĐVT	PP tính giá vốn	SL tồn tối thiểu	SL tồn tối đa	Tỷ lệ thuế	Số ngày H
00	Thành phẩm - Đá Marble	MBW25X5CHCS	Đá trắng MBW25X5CHCS	Tấm	Bình quân theo kỳ	0	0	0	
01	Đá trắng								
02	Đá đen								

Định mức chi phí

STT	Tài khoản	Tên thành phần	ĐVT	SL thành phẩm	SL vật tư	ĐM hao hụt	Đơn giá	Thành tiền
1	1521	Đá trắng khoan lỗ	m2	1,0000	0,0113	0,00	0,00	0,00
2	1521	Màng PE 500*2.7kg	Bao	2,7000	0,0003	0,00	0,00	0,00
3	1521	Băng keo trong 48*100Y	Bao	1,0000	0,0008	0,00	0,00	0,00
4	1521	Con bọ sắt	Bao	1,0000	0,0000	0,00	0,00	0,00
5	1521	Dây đai	Bao	1,0000	0,0002	0,00	0,00	0,00

2. Khai báo quy trình tính giá thành

Khai báo các bút toán kết chuyển/phân bổ tính ra giá thành và sắp xếp chúng theo trình tự quy trình, việc này chỉ thực hiện một lần và chỉ sửa đổi khi cần, thông thường bao gồm các bút toán như:

- Xuất vật tư theo định mức - N621/C152 (nếu áp dụng tính NVL xuất kho theo định mức)
- Kết chuyển chi phí NVL - N1541/C621
- Phân bổ chi phí nhân công - 1541/C622
- Phân bổ chi phí sản xuất chung - 1541/C627
- Kết chuyển giá thành - N1551/C1541

*Để tạo thêm/sửa đổi các bút toán tổng hợp này bạn xem lại **Xây dựng quy trình tổng hợp số liệu – Nội dung 3.1.3 – Chương 3***

3. Các bước nhập liệu phát sinh

Nhập số dư đầu kỳ

Nhập số dư đầu kỳ cho các tài khoản liên quan đến tính giá thành như: nguyên vật liệu (1521,1522 ...), công cụ dụng cụ (1531), chi phí SXKD dở dang (1541). *Xem lại chi tiết ở Nội dung 2.4 – Chương 2*

Xuất nguyên vật liệu sản xuất

Lập chứng từ xuất nguyên vật liệu sản xuất hạch toán chi tiết theo từng đối tượng giá thành. *Xem lại chi tiết ở Nội dung 7.3 – Chương 7*

Trường hợp áp dụng xuất vật tư theo định mức thì không phải nhập nghiệp vụ này

Hạch toán các chi phí phát sinh

Lập chứng từ hạch toán các chi phí phát sinh có liên quan. *Xem lại phần nhập chứng từ phát sinh ở các phân hệ chi tiết*

Nhập kho thành phẩm

Lập chứng từ nhập kho thành phẩm hoàn thành, chỉ cần nhập số lượng. *Xem lại chi tiết ở Nội dung 7.1 – Chương 7*

Trích khấu hao tài sản

Thực hiện trích khấu hao tài sản cố định hàng tháng. *Xem lại chi tiết ở Nội dung 8.2.6 – Chương 8*

Phân bổ chi phí trả trước

Thực hiện phân bổ chi phí trả trước hàng tháng. *Xem lại chi tiết ở Nội dung 9.2.3 – Chương 9*

Tính giá vốn bình quân theo kỳ

Cập nhật lại giá vốn cho các tài khoản 1521,1522. *Xem lại chi tiết ở Nội dung 11.2 – Chương này*

11.3.3 Chạy tính giá thành cuối kỳ

1. Màn hình thao tác chạy tự động

Vào Kế toán tổng hợp > Tổng hợp số liệu

- Kích chuột vào nhóm quy trình
- Chọn thời gian > Nhấn Xác định kết quả

Tổng hợp số liệu (1/5)

Xác định kết quả Xóa bỏ In số liệu Kết thúc

B2. Chọn Thời gian > Nhấn Xác định

Dòng thông báo thể hiện bạn đã chạy tổng hợp

Tháng: 02 Năm: 2020 Số chứng từ: TH001 Lý do: Tổng hợp số liệu tính giá thành Bạn đã tổng hợp tháng: 2 năm 2020.

Số thứ tự	Nội dung	Số thứ tự	Ký hiệu	Tên phần hành	Hiện thị kết quả	
01	Tổng hợp số liệu tính giá thành	1		K/C chi phí NVL chính (6211>1541)	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
03	Tổng hợp số liệu xác định K/QKD	2		K/C chi phí NVL phụ (6212>1541)	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
		3		P/B chi phí nhân công (622>1541)	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
		4		P/B chi phí sản xuất chung (627>1541)	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
		5		K/C giá thành nhập kho (1541>1551)	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>

Tổng hợp số liệu X

Lưu ý: Trường hợp sau khi chạy tổng hợp số liệu bạn có bổ sung/điều chỉnh số liệu chi tiết thì nên thực hiện xóa bỏ rồi chạy lại (một số trường hợp không xóa mà chạy tiếp tục sẽ phát sinh các bút toán tổng hợp với số tiền âm vì rơi vào tình huống số liệu trước khi chạy tổng hợp Nợ TK chi phí < Có TK chi phí)

Để xóa bút toán tổng hợp cũng thực hiện thao tác:

- Kích chuột vào nhóm quy trình
- Chọn thời gian > Nhấn Xóa bỏ

2. Một số trường hợp khác

Trường hợp có chi phí dở dang thành phẩm cuối kỳ

- Vào Kế toán tổng hợp > Giá thành > Xác định chi phí dở dang
- Nhập SL dở dang, tỷ lệ hoàn thành = tự tính ra SL hoàn thành tương đương
- Nhập đơn giá tạm tính > tự tính ra Giá trị dở dang

Mã hiệu	Tên hàng hóa, thành phẩm	ĐVT	Số lượng dở dang cuối kỳ	Tỷ lệ % hoàn	Số lượng hoàn thành tương	Giá tạm tính	Chi phí dở dang
Tổng Cộng			0,0000	0	0,0000	0,00	0,00
MBBK25X5CHCS	Đá đen - Đá đen MBBK25X5CHCS	Tám					
MBBK25X73HCS	Đá đen - Đá đen MBBK25X73HCS	Tám					
MBW25X5CHCS	Đá trắng - Đá trắng MBW25X5CHCS	Tám					

Sau đó vào chạy tính giá thành như trên

Trường hợp áp dụng tính chi phí NVL theo định mức kế hoạch

Bạn khai báo bút toán xuất vật tư theo định mức (chọn tính theo định mức kế hoạch) trong quy trình tổng hợp và chạy tính giá thành:

Số thứ tự	Nội dung	Số thứ tự	Ký hiệu	Tên phần hành	Hiện thị kết quả	
01	Tổng hợp số liệu tính giá thành	1		Tích chi phí NVL theo định mức	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
03	Tổng hợp số liệu xác định KQKD	2		K/C chi phí NVL chính (6211>1541)	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
		3		K/C chi phí NVL phụ (6212>1541)	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
		4		P/B chi phí nhân công (622>1541)	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
		5		P/B chi phí sản xuất chung (627>1541)	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
		6		K/C giá thành nhập kho (1541>1551)	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>

Trường hợp áp dụng tính chi phí NVL theo định mức thực tế

- Vào Kế toán tổng hợp > Giá thành > Xác định chi phí NVL sử dụng
- Nhập SL thực tế sử dụng

Xác định NVL sử dụng (4/17)

Tìm kiếm Import Xóa bỏ In số liệu Hiện thị Kết thúc

Tài khoản: 1551 ☐ Chi tiết thành phẩm

Kho NVLC: Kho công ty

Kho NVLP: Kho công ty

Kho TP: Kho TP Năm: 02/2020

Mã hiệu	Tên hàng hóa, thành phẩm	ĐVT	Số lượng	SL kế hoạch	SL kiểm kê	SL thực tế	Chênh lệch
	Tổng Cộng		1.524,0000	344,4186	10.199,9600	215,1700	-129,2486
	Nguyên liệu, vật liệu chính						
	Đá						
01040100009	Đá đen Bazan dày 20mm	m2	2,0000	21,9607	1.733,1000	21,5000	-0,4607
01040100013	Đá trắng khoan lỗ	m2	402,0000	31,0348	2.534,0600	30,0400	-0,9948
	NVL khác						
02020200005	Màng PE 500*2.7kg	Bao	0,0000	0,7277	155,2300	1,0700	0,3423
02020200006	Băng keo trong 48*100Y	Bao	0,0000	4,1779	665,9500	5,0500	0,8721
02020200015	Côn bọ sắt	Bao	0,0000	0,0847	44,8400	0,0600	-0,0247
02020200019	Dây đai	Bao	0,0000	0,7649	269,6000	1,4000	0,6351
02020200047	Dây đai kích thước 12mm, độ dày 0.8mm	Bao	0,0000	0,7649	997,1300	4,8700	4,1051
02020200049	Pallet xướng Đá	Bao	0,0000	1,9158	104,5800	2,4200	0,5042
02020200053	Màng bọc 50*50*5T*150	Bao	1,000,0000	20,4370	2,082,0600	17,0600	2,3870

Xác định NVL sử dụng X

Trong quy trình tổng hợp bút toán xuất vật tư theo định mức (chọn tính theo vật tư tiêu thụ) và chạy tính giá thành như trên.

11.4 Tổng hợp số liệu xác định kết quả

1. Khai báo bút toán tổng hợp số liệu

Trong chương trình đã khai báo mặc định các bút toán kết chuyển doanh thu, chi phí, xác định kết quả lãi lỗ. Trường hợp bạn **tạo thêm/sửa đổi** có thể xem lại **Xây dựng quy trình tổng hợp số liệu ở Nội dung 3.1.3 – Chương 3**

2. Chạy tổng hợp số liệu xác định kết quả kinh doanh

Vào Kế toán tổng hợp > Tổng hợp số liệu

- Kích chuột vào nhóm quy trình
- Chọn thời gian > Nhấn Xác định kết quả

Số thứ tự	Nội dung	Số thứ tự	Ký hiệu	Tên phần hành	Hiện thị kết quả	
01	Tổng hợp số liệu tính giá thành	1	K/C chiết khấu HH (52111>5111)		<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
03	Tổng hợp số liệu xác định KQKD	2	K/C chiết khấu TP (52112>5112)		<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
		3	K/C trả lại HH (52121>5111)		<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
		4	K/C trả lại TP (52122>5112)		<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
		5	K/C giảm giá HH (52131>5111)		<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
		6	K/C giảm giá TP (52132>5112)		<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
		7	P/B chi phí bán hàng (641>9111)		<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
		8	P/B chi phí quản lý (642>9111)		<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
		9	Xác định kết quả TM (5111.6321>9111)		<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
		10	Xác định kết quả SX (5112.6322>9112)		<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
		11	Xác định kết quả DV (5113.6323>9113)		<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
		12	Xác định kết quả tài chính (515.635>9112)		<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
		13	Xác định kết quả hoạt động khác (711.811>9113)		<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
		14	K/C chi phí thuế TNDN (8211>9113)		<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
		15	K/C lãi lỗ (911>4212)		<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>

Lưu ý: Trường hợp sau khi chạy tổng hợp số liệu bạn có bổ sung/điều chỉnh số liệu chi tiết thì nên thực hiện xóa bỏ chạy lại (một số trường hợp không xóa mà chạy tiếp tục sẽ phát sinh các bút toán tổng hợp với số tiền âm vì rơi vào tình huống số liệu trước khi chạy tổng hợp Nợ TK chi phí < Có TK chi phí)

Để xóa bút toán tổng hợp cũng thực hiện thao tác:

- Kích chuột vào nhóm quy trình
- Chọn thời gian > Nhấn Xóa bỏ